

DANH SÁCH HỌC SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ CHUNG KẾT CẤP THÀNH PHỐ

Sân chơi "Đấu trường VioEdu" dành cho học sinh Tiểu học & THCS trên địa bàn TP Hà Nội năm học 2024 - 2025

| STT | Tên đăng nhập | Họ tên | Tên Lớp | Khối | Tên trường | Quận / Huyện |
|-----|---------------|------------------------|---------|------|-----------------------------------|--------------|
| 1 | tcb1-2587 | Bùi Huy Đức | 1A3 | 1 | Trường Tiểu học Thành Công B | Quận Ba Đình |
| 2 | nk2-0253224 | Nguyễn Xuân Minh Khang | 1A5 | 1 | Trường Tiểu học Ngọc Khánh | Quận Ba Đình |
| 3 | hd6-0253191 | Trịnh Đức Minh Quân | 1A6 | 1 | Trường Tiểu học Hoàng Diệu | Quận Ba Đình |
| 4 | tca1-1954 | Võ Kiều Hải Đăng | 1A2 | 1 | Trường Tiểu học Thành Công A | Quận Ba Đình |
| 5 | hd6-0253225 | Hà Gia Bình | 1A7 | 1 | Trường Tiểu học Hoàng Diệu | Quận Ba Đình |
| 6 | pct-1574 | Vũ Minh Thảo | 1D | 1 | Trường Tiểu học Phan Chu Trinh | Quận Ba Đình |
| 7 | hns1-0250662 | Trần Mạnh Tiến | 1A1 | 1 | Trường Tiểu học Hà Nội | Quận Ba Đình |
| 8 | hht1-2283 | Phạm Đỗ Tú Linh | 1A | 1 | Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám | Quận Ba Đình |
| 9 | kd24-3393 | Nguyễn Minh Vũ | 1A5 | 1 | Trường Tiểu học Kim Đồng | Quận Ba Đình |
| 10 | tca1-1868 | Nguyễn Phong Quân | 1A5 | 1 | Trường Tiểu học Thành Công A | Quận Ba Đình |
| 11 | kd24-3469 | Nguyễn Trung Hiếu | 1A8 | 1 | Trường Tiểu học Kim Đồng | Quận Ba Đình |
| 12 | ntt12-1682 | Trịnh Đức Phúc An | 1A3 | 1 | Trường Tiểu học Nguyễn Trung Trực | Quận Ba Đình |
| 13 | hht1-2338 | Đặng Minh Tuệ | 1C | 1 | Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám | Quận Ba Đình |
| 14 | pct-1548 | Nguyễn Anh Tuấn | 1C | 1 | Trường Tiểu học Phan Chu Trinh | Quận Ba Đình |
| 15 | hns1-0674 | Nguyễn Phạm Vân Giang | 1A1 | 1 | Trường Tiểu học Hà Nội | Quận Ba Đình |
| 16 | nk2-2887 | Hoàng Minh Hiền | 2A5 | 2 | Trường Tiểu học Ngọc Khánh | Quận Ba Đình |
| 17 | tca1-1923 | Phạm Chí Kiên | 2A2 | 2 | Trường Tiểu học Thành Công A | Quận Ba Đình |
| 18 | tcb1-2744 | Hoàng An Nhiên | 2A2 | 2 | Trường Tiểu học Thành Công B | Quận Ba Đình |
| 19 | nk2-2884 | Trần Hiếu Minh | 2A5 | 2 | Trường Tiểu học Ngọc Khánh | Quận Ba Đình |
| 20 | bn21-1258 | Lê An Vinh | 2A2 | 2 | Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc | Quận Ba Đình |
| 21 | hd6-3577 | Nguyễn Bảo Trâm | 2A5 | 2 | Trường Tiểu học Hoàng Diệu | Quận Ba Đình |
| 22 | vn-cb-2598 | Trần Đào Đức | 2E | 2 | Trường Tiểu học Việt Nam - Cu Ba | Quận Ba Đình |

| | | | | | | |
|----|-------------|----------------------|-----|---|----------------------------------|--------------|
| 23 | pct-1619 | NGUYỄN HẢI LÂM | 2E | 2 | Trường Tiểu học Phan Chu Trinh | Quận Ba Đình |
| 24 | tca1-1968 | Nguyễn Đăng Kiên | 2A3 | 2 | Trường Tiểu học Thành Công A | Quận Ba Đình |
| 25 | pct-1583 | Nguyễn Phan | 2A | 2 | Trường Tiểu học Phan Chu Trinh | Quận Ba Đình |
| 26 | hd6-0253516 | Vũ Minh Khang | 2A4 | 2 | Trường Tiểu học Hoàng Diệu | Quận Ba Đình |
| 27 | tca1-2427 | Nguyễn Phạm Linh Nhi | 2A3 | 2 | Trường Tiểu học Thành Công A | Quận Ba Đình |
| 28 | tca1-1915 | Đỗ Hoàng Nam | 2A2 | 2 | Trường Tiểu học Thành Công A | Quận Ba Đình |
| 29 | nh6-1447 | Chu Ngọc Lâm Anh | 2A4 | 2 | Trường Tiểu học Ngọc Hà | Quận Ba Đình |
| 30 | vn-cb-2674 | Phan Gia Bảo | 2H | 2 | Trường Tiểu học Việt Nam - Cu Ba | Quận Ba Đình |
| 31 | nk2-3052 | Nguyễn Phúc Lâm | 3A5 | 3 | Trường Tiểu học Ngọc Khánh | Quận Ba Đình |
| 32 | vp3-1008 | Trần Thượng Minh | 3A2 | 3 | Trường Tiểu học Vạn Phúc | Quận Ba Đình |
| 33 | tl47-1554 | Dương Thục Anh | 3A | 3 | Trường Tiểu học Thủ Lệ | Quận Ba Đình |
| 34 | pct-0251750 | Nguyễn Nhật Nguyên | 3D | 3 | Trường Tiểu học Phan Chu Trinh | Quận Ba Đình |
| 35 | kd24-3250 | Vũ Minh Quân | 3A3 | 3 | Trường Tiểu học Kim Đồng | Quận Ba Đình |
| 36 | bd-2340 | Dương Khánh Vi | 3A4 | 3 | Trường Tiểu học Ba Đình | Quận Ba Đình |
| 37 | kd24-3213 | Trịnh Anh Khôi | 3A5 | 3 | Trường Tiểu học Kim Đồng | Quận Ba Đình |
| 38 | hns1-0765 | Nguyễn Vượng Đạt | 3A1 | 3 | Trường Tiểu học Hà Nội | Quận Ba Đình |
| 39 | kd24-3193 | Nguyễn Châu Anh | 3A4 | 3 | Trường Tiểu học Kim Đồng | Quận Ba Đình |
| 40 | hd6-3887 | Nguyễn Tuệ Lâm | 3A6 | 3 | Trường Tiểu học Hoàng Diệu | Quận Ba Đình |
| 41 | nk2-3038 | Nguyễn Lê Hà Vy | 3A5 | 3 | Trường Tiểu học Ngọc Khánh | Quận Ba Đình |
| 42 | hd6-3832 | Phạm Ngọc Phương Anh | 3A5 | 3 | Trường Tiểu học Hoàng Diệu | Quận Ba Đình |
| 43 | bn21-1317 | Nguyễn Bảo Yến | 3A2 | 3 | Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc | Quận Ba Đình |
| 44 | hns1-0768 | Lại Tiến Lâm | 3A1 | 3 | Trường Tiểu học Hà Nội | Quận Ba Đình |
| 45 | bn21-1314 | Ngô Minh Phú | 3A2 | 3 | Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc | Quận Ba Đình |
| 46 | kd24-3743 | Lê Thanh Nam | 4A5 | 4 | Trường Tiểu học Kim Đồng | Quận Ba Đình |
| 47 | kd24-3730 | Nguyễn Khánh Gia Hòa | 4A5 | 4 | Trường Tiểu học Kim Đồng | Quận Ba Đình |
| 48 | kd24-3717 | Lê Đức Anh | 4A5 | 4 | Trường Tiểu học Kim Đồng | Quận Ba Đình |
| 49 | nd2-1840 | Phạm Ngọc Khải | 4A5 | 4 | Trường Tiểu học Nghĩa Dũng | Quận Ba Đình |

| | | | | | | |
|----|-------------|-------------------------|-----|---|-----------------------------------|--------------|
| 50 | kd24-3551 | Trần Tuấn Nam | 4A1 | 4 | Trường Tiểu học Kim Đồng | Quận Ba Đình |
| 51 | hht1-2626 | Vũ Bình Minh | 4D | 4 | Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám | Quận Ba Đình |
| 52 | nk2-3298 | Lê Minh Huy | 4A6 | 4 | Trường Tiểu học Ngọc Khánh | Quận Ba Đình |
| 53 | hd6-3388 | Nguyễn Tuấn Khanh | 4A6 | 4 | Trường Tiểu học Hoàng Diệu | Quận Ba Đình |
| 54 | kd24-3384 | Trần Anh | 4A6 | 4 | Trường Tiểu học Kim Đồng | Quận Ba Đình |
| 55 | hd6-3227 | Nguyễn Minh Trí | 4A2 | 4 | Trường Tiểu học Hoàng Diệu | Quận Ba Đình |
| 56 | ntt12-2039 | Nguyễn Đức Nguyên Khang | 4A4 | 4 | Trường Tiểu học Nguyễn Trung Trực | Quận Ba Đình |
| 57 | kd24-3908 | Nguyễn Anh Vinh | 4A6 | 4 | Trường Tiểu học Kim Đồng | Quận Ba Đình |
| 58 | kd24-3740 | Nguyễn Kim Long | 4A5 | 4 | Trường Tiểu học Kim Đồng | Quận Ba Đình |
| 59 | kd24-223797 | Vũ Thanh Ngân | 4A6 | 4 | Trường Tiểu học Kim Đồng | Quận Ba Đình |
| 60 | dy21-524 | Nguyễn Nam Phong | 4A5 | 4 | Trường Tiểu học Đại Yên | Quận Ba Đình |
| 61 | bd-0134 | Nguyễn Minh Hiền | 5A3 | 5 | Trường Tiểu học Ba Đình | Quận Ba Đình |
| 62 | tca1-0186 | Phạm Nhật Anh | 5A5 | 5 | Trường Tiểu học Thành Công A | Quận Ba Đình |
| 63 | tcb1-0085 | Nguyễn Hoàng Đình Anh | 5A2 | 5 | Trường Tiểu học Thành Công B | Quận Ba Đình |
| 64 | kd24-0360 | Nguyễn Quang Anh | 5A8 | 5 | Trường Tiểu học Kim Đồng | Quận Ba Đình |
| 65 | kd24-3846 | Nguyễn Phúc Tuấn Khang | 5A4 | 5 | Trường Tiểu học Kim Đồng | Quận Ba Đình |
| 66 | kd24-0358 | Nguyễn Hoàng Anh | 5A8 | 5 | Trường Tiểu học Kim Đồng | Quận Ba Đình |
| 67 | kd24-0234 | Vũ Minh Khang | 5A5 | 5 | Trường Tiểu học Kim Đồng | Quận Ba Đình |
| 68 | hd6-0282 | Đình Phúc Minh | 5A5 | 5 | Trường Tiểu học Hoàng Diệu | Quận Ba Đình |
| 69 | nh6-0151 | Nguyễn Đăng Duy Anh | 5A4 | 5 | Trường Tiểu học Ngọc Hà | Quận Ba Đình |
| 70 | nk2-0240 | Bùi Nguyên Khôi | 5A5 | 5 | Trường Tiểu học Ngọc Khánh | Quận Ba Đình |
| 71 | tca1-0159 | Trần Thái Lâm | 5A4 | 5 | Trường Tiểu học Thành Công A | Quận Ba Đình |
| 72 | tca1-0212 | Nguyễn Huy Thiên Tú | 5A5 | 5 | Trường Tiểu học Thành Công A | Quận Ba Đình |
| 73 | tca1-0247 | Bùi Thanh Phong | 5A6 | 5 | Trường Tiểu học Thành Công A | Quận Ba Đình |
| 74 | nd2-0210 | Bùi Vũ Long | 5A5 | 5 | Trường Tiểu học Nghĩa Dũng | Quận Ba Đình |
| 75 | kd24-0191 | Phạm Gia Bảo | 5A4 | 5 | Trường Tiểu học Kim Đồng | Quận Ba Đình |
| 76 | gv-4626 | Đặng Vũ Minh Quân | 6A6 | 6 | Trường THCS Giảng Võ | Quận Ba Đình |

| | | | | | | |
|-----|----------------|---------------------|-----|---|----------------------------|--------------|
| 77 | thlnshm2024 | TÔ HẢI LÂM | 6A1 | 6 | Trường THCS Giảng Võ 2 | Quận Ba Đình |
| 78 | tgV2-0082 | Nguyễn Tùng Lâm | 6A1 | 6 | Trường THCS Giảng Võ 2 | Quận Ba Đình |
| 79 | gv-4641 | Đặng An An | 6A7 | 6 | Trường THCS Giảng Võ | Quận Ba Đình |
| 80 | tgV2-0089 | Phạm Văn Bảo Nam | 6A1 | 6 | Trường THCS Giảng Võ 2 | Quận Ba Đình |
| 81 | tgV2-0087 | Trần Bảo Minh | 6A1 | 6 | Trường THCS Giảng Võ 2 | Quận Ba Đình |
| 82 | tgV2-0095 | Nguyễn Hữu Phúc | 6A1 | 6 | Trường THCS Giảng Võ 2 | Quận Ba Đình |
| 83 | phuclam1234567 | Đinh Phúc Lâm | 6A1 | 6 | Trường THCS Giảng Võ 2 | Quận Ba Đình |
| 84 | gv-4593 | Phạm Chí Bách | 6A6 | 6 | Trường THCS Giảng Võ | Quận Ba Đình |
| 85 | gv-4619 | Trần Đức Nam | 6A6 | 6 | Trường THCS Giảng Võ | Quận Ba Đình |
| 86 | gv-4631 | Cao Tiến Thành | 6A6 | 6 | Trường THCS Giảng Võ | Quận Ba Đình |
| 87 | tgV2-0060 | Lê Nguyễn Bảo An | 6A1 | 6 | Trường THCS Giảng Võ 2 | Quận Ba Đình |
| 88 | tgV2-0121 | Vương Trường Giang | 6A2 | 6 | Trường THCS Giảng Võ 2 | Quận Ba Đình |
| 89 | tls2-3333 | Doãn Thanh Phong | 6A3 | 6 | Trường THCS Thăng Long | Quận Ba Đình |
| 90 | tls2-3304 | Nguyễn Trường An | 6A3 | 6 | Trường THCS Thăng Long | Quận Ba Đình |
| 91 | gv-5067 | Phạm Nguyên Khang | 7A2 | 7 | Trường THCS Giảng Võ | Quận Ba Đình |
| 92 | tc3-3096 | Lê Bảo Nam | 7A3 | 7 | Trường THCS Thành Công | Quận Ba Đình |
| 93 | tl47-0431 | Hoàng Minh Duy | 7A4 | 7 | Trường THCS Phan Chu Trinh | Quận Ba Đình |
| 94 | gv-5037 | Dương Hoàng Quân | 7A1 | 7 | Trường THCS Giảng Võ | Quận Ba Đình |
| 95 | bd2-2867 | Đào Phú Minh | 7A8 | 7 | Trường THCS Ba Đình | Quận Ba Đình |
| 96 | gv-0255669 | Phạm Minh Hà An | 7A8 | 7 | Trường THCS Giảng Võ | Quận Ba Đình |
| 97 | gv-5040 | Vũ Quyết Thắng | 7A1 | 7 | Trường THCS Giảng Võ | Quận Ba Đình |
| 98 | tls2-4530 | Lê Nguyễn Ngọc Linh | 7D | 7 | Trường THCS Thăng Long | Quận Ba Đình |
| 99 | bd2-0252425 | Nguyễn Trí Dương | 7A1 | 7 | Trường THCS Ba Đình | Quận Ba Đình |
| 100 | bd2-2904 | Nguyễn Anh Khoa | 7A9 | 7 | Trường THCS Ba Đình | Quận Ba Đình |
| 101 | hht2-0251805 | Lý Trung Dũng | 7A1 | 7 | Trường THCS Hoàng Hoa Thám | Quận Ba Đình |
| 102 | gv-5029 | Lê Khôi Nguyên | 7A1 | 7 | Trường THCS Giảng Võ | Quận Ba Đình |
| 103 | tls2-0253829 | Nguyễn Quang Đại | 7A1 | 7 | Trường THCS Thăng Long | Quận Ba Đình |

| | | | | | | |
|-----|------------|-------------------------|------|---|-----------------------------|--------------|
| 104 | gv-5008 | Đặng Bảo Khang | 7A1 | 7 | Trường THCS Giảng Võ | Quận Ba Đình |
| 105 | pct2-3576 | Trương Nguyễn Thanh Lâm | 7A6 | 7 | Trường THCS Phan Chu Trinh | Quận Ba Đình |
| 106 | gv-0256576 | Nguyễn Ngọc Hà Linh | 8A7 | 8 | Trường THCS Giảng Võ | Quận Ba Đình |
| 107 | gv-0256941 | Đỗ Gia Bình | 8P | 8 | Trường THCS Giảng Võ | Quận Ba Đình |
| 108 | tls2-4714 | Doãn Đức Duy | 8A2 | 8 | Trường THCS Thăng Long | Quận Ba Đình |
| 109 | gv-0256604 | Đàm Đức Tùng | 8A7 | 8 | Trường THCS Giảng Võ | Quận Ba Đình |
| 110 | gv-6299 | Dương Phạm Hiên | 8A3 | 8 | Trường THCS Giảng Võ | Quận Ba Đình |
| 111 | hht2-1507 | Ngô Diệp Chi | 8A2 | 8 | Trường THCS Hoàng Hoa Thám | Quận Ba Đình |
| 112 | gv-6316 | Phạm Ngọc Quang Minh | 8A3 | 8 | Trường THCS Giảng Võ | Quận Ba Đình |
| 113 | gv-6255 | Lưu Minh Huy | 8A2 | 8 | Trường THCS Giảng Võ | Quận Ba Đình |
| 114 | hht2-1564 | Phạm Gia Hưng | 8A3 | 8 | Trường THCS Hoàng Hoa Thám | Quận Ba Đình |
| 115 | tc3-3947 | Nguyễn Hoàng Khang | 8A8 | 8 | Trường THCS Thành Công | Quận Ba Đình |
| 116 | nt2-2202 | Trần Bảo Nguyên | 8A1 | 8 | Trường THCS Nguyễn Trãi | Quận Ba Đình |
| 117 | pct2-4449 | Hoàng Đăng Dương | 8A10 | 8 | Trường THCS Phan Chu Trinh | Quận Ba Đình |
| 118 | pct2-4165 | Nguyễn Minh Quang | 8A2 | 8 | Trường THCS Phan Chu Trinh | Quận Ba Đình |
| 119 | tgV2-0819 | Đặng Bảo Trang | 8A3 | 8 | Trường THCS Giảng Võ 2 | Quận Ba Đình |
| 120 | hht2-1503 | Đỗ Nguyên An | 8A2 | 8 | Trường THCS Hoàng Hoa Thám | Quận Ba Đình |
| 121 | gv-7044 | Nguyễn Minh Tuấn | 9P | 9 | Trường THCS Giảng Võ | Quận Ba Đình |
| 122 | nct-2629 | Phạm Võ Nhật Minh | 9A2 | 9 | Trường THCS Nguyễn Công Trứ | Quận Ba Đình |
| 123 | tls2-3814 | Trần Hà Vũ | 9A0 | 9 | Trường THCS Thăng Long | Quận Ba Đình |
| 124 | pct2-3856 | Vũ Ngân Hà | 9A5 | 9 | Trường THCS Phan Chu Trinh | Quận Ba Đình |
| 125 | hht1-1213 | Trần Thế Phúc | 9A1 | 9 | Trường THCS Hoàng Hoa Thám | Quận Ba Đình |
| 126 | pct2-3870 | Phạm Xuân Anh Minh | 9A5 | 9 | Trường THCS Phan Chu Trinh | Quận Ba Đình |
| 127 | nct-2724 | Nguyễn Phạm Thanh Phong | 9A4 | 9 | Trường THCS Nguyễn Công Trứ | Quận Ba Đình |
| 128 | pct2-3843 | Trần Minh Anh | 9A5 | 9 | Trường THCS Phan Chu Trinh | Quận Ba Đình |
| 129 | tc3-3376 | Nguyễn Minh Khánh | 9A2 | 9 | Trường THCS Thành Công | Quận Ba Đình |
| 130 | hht2-1740 | Nguyễn Tuấn Minh | 9A1 | 9 | Trường THCS Hoàng Hoa Thám | Quận Ba Đình |

| | | | | | | |
|-----|-----------|--------------------|-----|---|----------------------------|--------------|
| 131 | hht2-1779 | Nguyễn Như Lâm Sơn | 9A1 | 9 | Trường THCS Hoàng Hoa Thám | Quận Ba Đình |
| 132 | bd2-2403 | Nguyễn Lê Tùng | 9A1 | 9 | Trường THCS Ba Đình | Quận Ba Đình |
| 133 | tls2-3787 | Đỗ Thái Dương | 9A0 | 9 | Trường THCS Thăng Long | Quận Ba Đình |
| 134 | hht1-1373 | Trần Quỳnh | 9A1 | 9 | Trường THCS Hoàng Hoa Thám | Quận Ba Đình |
| 135 | tgV2-0990 | Đinh Hùng Cường | 9A1 | 9 | Trường THCS Giảng Võ 2 | Quận Ba Đình |